TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TC** TỈNH SƠN LA	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hnh phúc**

Bản án số: 135/2018/HSST.
Ngày: 25-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Lê Thị Chiến.

Các Hội thẩm nhân nhân:

1. Bà Trương Thị Thủy
2. Bà Lê Hồng Nhung

- ***Thư ký phiên toà***: bà Trần Thị Mai- Thư ký Toà án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La*** *tham gia phiên toà*: ông Lò Văn Thức – kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 25 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC mở phiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 134/2018/HSST ngày 25 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2018/QĐXXST-HS ngày 12-7-2018 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Nguyễn Văn Ch; tên gọi khác: Không; sinh ngày 27/12/1985 tại xã PL, huyện TC, tỉnh Sơn La; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Bản T, xã PL, huyện TC, tỉnh Sơn La; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1962 ; có vợ là Hoàng Hoài A, sinh năm 1984 và có 02 con lớn nhất 12 tuổi, nhỏ nhất 8 tuổi; tiền án, tiền sự: Không có; bắt tạm giữ từ ngày 02/4/2018 đến ngày 7/4/2018 được áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt

2. Bị cáo Lương Sinh S; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 14/6/1984 tại xã PL, huyện TC, tỉnh Sơn La; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Bản K, xã PL, huyện TC, tỉnh Sơn La; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Lương Văn M, sinh năm: 1953 và bà Bùi Thị N, sinh năm: 1953; có vợ là Bùi Thị H, sinh năm 1987 và có 02 con lớn nhất 9 tuổi, nhỏ nhất 5 tuổi; tiền án: có 01 tiền án (năm 2016, bị Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xử pHt tiền 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*), về Tội đánh bạc, chưa được xóa án

tích); tiền sự: Không có; bắt tạm giữ từ ngày 02/4/2018 đến ngày 7/4/2018 được áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. Bị cáo Nguyễn Văn Q; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 19/4/1986 tại thị trấn TC, huyện TC, tỉnh Sơn La; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay Bản K, xã PL, huyện TC, tỉnh Sơn La; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Mậu Th, sinh năm: 1953 và bà Ngô Thị S, sinh năm: 1957 ; vợ là Vũ Thị H, sinh năm: 1987 và có 2 con lớn nhất 6 tuổi, nhỏ nhất 01 tuổi; tiền án, tiền sự: Không có; bắt tạm giữ từ ngày 02/4/2018 đến ngày 7/4/2018 được áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

4. Bị cáo Phạm Ngọc Đ; tên gọi khác: Không; sinh ngày 9/9/1962 tại xã PL, huyện TC, tỉnh Sơn La; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: bản K, xã PL, huyện TC, tỉnh Sơn La; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 7/10; con ông Phạm Văn Ch (Đã chết) và bà Nguyễn Thị N, đã chết; vợ là Hoàng Thị V, sinh năm: 1966 và có 02 con lớn nhất 27 tuổi, nhỏ nhất 23 tuổi; tiền án, tiền sự: Không có; bắt tạm giữ từ ngày 02/4/2018 đến ngày 7/4/2018 được áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

5. Bị cáo Phan Đình Tr; tên gọi khác: Không; sinh ngày 24/6/1983 tại xã PL, huyện TC, tỉnh Sơn La; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: bản K, xã PL, huyện TC, tỉnh Sơn La; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 12/12; con ông Phan Văn T, sinh năm: 1959 và bà Phạm Thị D, sinh năm: 1958 ; vợ là Lừ Thị T, sinh năm: 1992 và có 02 con lớn nhất 4 tuổi, nhỏ nhất 2 tuổi; tiền án: có 01 tiền án (năm 2016, bị Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La xử pHt tiền 7.000.000 đồng về tội đánh bạc, *chưa được xóa án tích*); tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ từ ngày 2/4/2018 đến ngày 7/4/2018 được áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt

6. Bị cáo Phan Văn B; tên gọi khác: Không; sinh ngày 18/8/1990 tại xã PL, huyện TC, tỉnh Sơn La; nơi ĐKHKTT: thôn S, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội; chỗ ở hiện nay: bản T, xã PL, huyện TC, Sơn La; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Phan Văn Y, sinh năm: 1963 và bà mẹ: Nguyễn Thị N, sinh năm: 1966 ; có vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm: 1996 và có 01 con 02 tuổi; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ tư ngày 02/4/2018 đến ngày 7/4/2018 được áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt

7. Bị cáo Kiều Xuân H; tên gọi khác: Không; sinh ngày 13/9/1988 tại xã LX, huyện PT, thành phố Hà Nội; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: bản T, xã PL, huyện TC, tỉnh Sơn La; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 12/12 ; con ông Kiều Văn L, sinh năm: 1963 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1965 ; vợ là Bạc Thị K, sinh năm 1990 và có 01 con 10 tuổi; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giữ từ ngày 02/4/2018 đến ngày 7/4/2018 được áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

8. Bị cáo Đặng Văn C; tên gọi khác: Không; sinh ngày 17/4/1986 tại xã PL, huyện TC, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay bản T, xã PL, huyện TC, tỉnh Sơn La; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Đặng Văn M, sinh năm: 1959 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1963 ; có vợ là Nguyễn Phương Th, sinh năm:1989 và có 01 con 04 tuổi; tiền án, tiền sự: Không có; bắt tạm giữ từ ngày 02/4/2018 đến ngày 7/4/2018 được áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 2/4/2018, Phan Văn B (*sinh năm 1990*), trú tại: Thôn S, xã H, huyện T, thành phố Hà Nội; Phan Đình Tr (*sinh năm 1983*), Phạm Ngọc Đ (*sinh năm 1962*) đều trú tại: Bản K, xã PL, huyện TC, tỉnh Sơn La; Kiều Xuân H (*sinh năm 1988*), Đặng Văn C (*sinh năm 1986*) đều trú tại: Bản T, xã PL đến quán tạp hóa gia đình Nguyễn Văn N (*sinh năm 1972*) ở cùng bản C, H để chơi. Khi ngồi uống nước, B rủ C, H, Tr đánh bạc bằng hình thức chơi sâm cá cược thắng thua bằng tiền (*N không ở nhà, chỉ có Nguyễn Thu Tr sinh năm 2003 là con gái N trông quán bán hàng*). B lấy 01 bộ bài tú lơ khơ, rồi vào khu chuồng lợn bỏ trống ở sau nhà N. Tiếp đó, B lấy 01 chiếc chiếu trải xuống nền bê tông, rồi cùng C, H, Tr đánh bạc, còn Đ ngồi xem. Về hình thức sát pHt: B, C, H, Tr sử dụng 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân bài, chia đều mỗi người 10 quân bài (*lá bài yếu nhất là "3", lá bài mạnh nhất là "2"*), mức tiền thỏa thuận thấp nhất 5.000 đồng/1 quân bài, cao nhất 300.000 đồng, rồi đánh theo vòng ngược chiều kim đồng hồ. Khi một người đánh ra một bộ hoặc một lá bài, người tiếp theo phải chặn bằng một lá hoặc một bộ bài mạnh hơn. Nếu không ai chặn được không được đánh cho đến hết vòng, nếu người đánh ra không ai chặn được thì được đánh tiếp tùy ý. Ván bài kết thúc khi có người đánh hết 10 lá bài trước tiên là người Ch thắng, những người còn lại thua. Khi bắt đầu, một người bất kỳ có thể báo sâm, ai báo trước, nếu đánh mà không ai chặn thì thắng sâm, những người còn lại phải mất cho người thắng 100.000 đồng/1 người, nếu người báo sâm bị chặn thì người chặn được là người thắng được 300.000 đồng. Nếu người nào không H được quân bài nào (*gọi là cháy bài*) phải trả cho người thắng bạc 80.000 đồng. Một lúc sau, Nguyễn Văn Ch (*sinh năm 1985*), trú tại: Bản T, xã PL; Lương Sinh S (*sinh năm 1984*), Nguyễn Văn Q (*sinh năm 1986*) đều trú tại: Bản K, xã PL đến xem B, C, H, Tr đánh bạc. Khoảng 15 giờ 15 phút cùng ngày, Ch rủ Q, Đ, S đánh bạc, mọi người đồng ý nên Q ra quán mua 01 bộ bài tú lơ khơ của Nguyễn Trung H (*sinh năm 1993*) là con trai N rồi vào trải chiếu trên nền bê tông phía ngoài chuồng lợn ngăn cách với chiếu bạc của B, C, H, Tr bởi một tường cao khoảng 80 cm. Thể thức, mức độ cá cược giống như chiếu bạc của B, C, H, Tr. Qúa trình đánh bạc, Ch thua hết tiền mang theo nên đi sang chiếu bạc bên cạnh vay 500.000 đồng của C để đánh bạc tiếp, C đồng ý. Đến khoảng 15 giờ 30 phút, cả hai chiếu bạc bị Tổ công tác Công an huyện TC vào

yêu cầu kiểm tra, phát hiện và thu giữ cùng tang vật. Sau đó, Tổ công tác áp giải Nguyễn Văn Ch, Lương Sinh S, Nguyễn Văn Q, Phạm Ng Đ, Phan Đình Tr, Phan Văn B, Kiều Xuân H, Đặng Văn C đưa về Trụ sở UBND xã PL để lập Biên bản bắt người Phạm tội quả tang như đã nêu trên. (*BL: 201 - 217, 222 - 229, 234 - 236, 240 - 249, 253 - 264, 268 - 281, 285 - 302, 306 - 311, 314 - 317, 320 - 329, 334 - 336 hồ sơ*).

Quá trình điều tra, xác định được số tiền của các bị can sử dụng vào việc đánh bạc cụ thể như sau:

**** Chiếu bạc thứ nhất:*** Có 04 bị can gồm:

+ Phan Đình Tr mang theo 940.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang Trọng thắng bạc được 1.120.000 đồng nên có 2.060.000 đồng bị tạm giữ trên chiếu bạc.

+ Phan Văn B mang theo 2.007.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang Bình thua: 390.000 đồng, còn lại 1.617.000 đồng (*tạm giữ trên chiếu 610.000 đồng, tạm giữ trong ví: 1.007.000 đồng*).

+ Đặng Văn C mang theo 1.330.000 đồng để đánh bạc, trong quá trình đánh bạc C cho Ch vay 500.000 đồng (*do Ch thua hết tiền mang theo*) nên C còn 830.000 đồng, khi bị bắt quả tang C thắng bạc được 245.000 đồng nên bị tạm giữ trên chiếu bạc 1.075.000 đồng.

+ Kiều Xuân H mang theo 1.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang H thua 975.000 đồng, còn lại 25.000 đồng bị tạm giữ trên chiếu bạc.

Vậy, Tr, B, C, H mang theo tổng số tiền 5.277.000 đồng (*Năm triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*) nhằm để đánh bạc nhưng trong quá trình chơi C đã cho Ch ở chiếu bạc thứ hai (*bên cạnh*) vay 500.000 đồng nên khi bị bắt quả tang các bị can trên chiếu bạc thứ nhất chỉ tạm giữ được 4.777.000 đồng. (*Đối với số tiền 500.000 đồng C cho rằng khi Ch vay không tính lời lãi, nếu C thua hết tiền còn lại thì C sẽ yêu cầu Ch trả lại số tiền đã vay nhằm đánh bạc tiếp để gỡ lại số tiền đã mất do thua bạc*).

**** Chiếu bạc thứ hai:*** Có 04 bị can gồm:

- Nguyễn Văn Ch mang theo 1.200.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc Ch thua hết số tiền trên nên đã vay của C 500.000 đồng để tiếp tục đánh bạc. Khi bị bắt quả tang, Ch lại thua bạc, chỉ còn 480.000 đ bị tạm giữ trên chiếu bạc.

- Lương Sinh S mang theo 1.935.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang Sắc thắng bạc được 595.000 đồng nên có 2.530.000 đồng bị tạm giữ trên chiếu bạc.

- Nguyễn Văn Q mang theo 4.900.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang Q thắng bạc được 905.000 đồng nên có 5.805.000 đồng bị tạm giữ (*4.030.000 đồng ở trước mặt Quốc, còn 1.775.000 đồng Q đẩy vào giữa chiếu bạc trong lúc bị bắt quả tang*).

- Phạm Ngọc Đ mang theo 2.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang Đ thua bạc 280.000 đồng nên còn 1.720.000 đồng bị tạm giữ trên chiếu bạc.

Vậy, Ch, S, Q, Đ sử dụng tổng số tiền 10.035.000 đồng (*Mười triệu không trăm ba mươi lăm nghìn đồng*) nhằm để đánh bạc nhưng trong quá trình chơi Ch đã vay của C 500.000 đồng ở chiếu bạc thứ nhất nên khi bị bắt quả tang trên chiếu bạc thứ hai tạm giữ được 10.535.000 đồng.

Ngày 4/4/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện TC ra Quyết định trưng cầu giám định số: 2024/QĐ đề nghị Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Sơn La giám định đối với tổng số tiền thu giữ được của các bị can là: **15.312.000** đ (*Mười lăm triệu ba trăm mười hai nghìn đồng*). Tại Kết luận giám định số: 168/KLGĐ ngày 6/4/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Sơn La kết luận: Toàn bộ số tiền giám định đều là "*tiền thật*" do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành (*Hoàn lại toàn bộ số tiền gửi giám định*). (*BL: 138 - 144, 164 hồ sơ*).

Bản cáo trạng số 102/CT-VKS ngày 25-6-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La đề nghị truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Ch, Lương Sinh S, Nguyễn Văn Q, Phạm Ngọc Đ, Phan Đình Tr, Phan Văn B, Kiều Xuân H, Đặng Văn C về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS 2015.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC giữ quyền công tố luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Văn Ch, Lương Sinh S, Nguyễn Văn Q, Phạm Ngọc Đ, Phan Đình Tr, Phan Văn B, Kiều Xuân H, Đặng Văn C về tội ***Đánh bạc***. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ điểm s,t khoản 1,2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 54 khoản 1 Điều 321; Điều 38; Điều 58 BLHS 2015

- Tuyên bố bị cáo Lương Sinh S phạm tội Đánh bạc;

- Xử phạt bị cáo Lương Sinh S từ 03 đến 06 tháng tù được khấu trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam là 06 (sáu) ngày tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại để chấp hành án.

Căn cứ điểm s,v, t khoản 1,2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 54; khoản 1 Điều 321; Điều 38; Điều 58 BLHS 2015

- Tuyên bố bị cáo Phan Đình Tr phạm tội Đánh bạc;

- Xử phạt bị cáo Phan Đình Tr từ 03 đến 06 tháng tù được khấu trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam là 06 (sáu) ngày tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại để chấp hành án.

Căn cứ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 321; khoản 1,2,5 Điều 65 BLHS 2015

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Ch phạm tội Đánh bạc;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ch từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 đến 24 tháng. Thời hạn thử thách tình từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25-7-2018).

Căn cứ điểm i, s,t khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 321; khoản 1,2,5 Điều 65 BLHS 2015:

- Tuyên bố bị cáo Phan Văn B phạm tội Đánh bạc;

- Xử phạt bị cáo Phan Văn B từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 đến 24 tháng. Thời hạn thử thách tình từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25-7-2018).

Căn cứ điểm i, s,t khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 321; khoản 1,2,5 Điều 65; Điều 58 BLHS 2015:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Q, Phạm Ngọc Đ; Kiều Xuân H phạm tội Đánh bạc.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 đến 18 tháng. Thời hạn thử thách tình từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25-7-2018);

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc Đ từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 đến 18 tháng. Thời hạn thử thách tình từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25-7-2018);

Xử phạt bị cáo Kiều Xuân H từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 đến 18 tháng. Thời hạn thử thách tình từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25-7-2018);

Căn cứ điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 321; khoản 1,2,5 Điều 65; Điều 58 BLHS 2015:

- Tuyên bố bị cáo Đặng Văn C phạm tội Đánh bạc.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn C từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 đến 18 tháng. Thời hạn thử thách tình từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25-7-2018);

Giao các bị cáo Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn Q, Phạm Ngọc Đ, Kiều Xuân H, Đặng Văn C; Phan Văn B cho UBND xã PL, huyện TC, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã PL, huyện TC trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có

thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền được quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS cho các bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy: Hai bộ bài tú lơ khơ, mỗi bộ gồm 52 quân bài; Một chiếc chiếu nhựa, loại chiếu đơn, màu xanh - đen; kích thước 1,9 m x 1,5 m, đã qua sử dụng cũ; Một chiếc chiếu nhựa, loại chiếu đôi, màu vàng - xanh - đen; kích thước 2,2 m x 1,8 m, đã qua sử dụng cũ.

- Sung công quỹ nhà nước: Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 15.312.000 đồng (mười lăm triệu ba trăm mười hai nghìn đồng)

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Ch, Lương Sinh S, Nguyễn Văn Q, Phạm Ngọc Đ, Phan Đình Tr, Kiều Xuân H, Đặng Văn C, Phan Văn B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, mỗi bị cáo 200.000 đồng.

Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331, 333 BLTTHS năm 2015: Báo cho các bị cáo Nguyễn Văn Ch, Lương Sinh S, Nguyễn Văn Q, Phạm Ngọc Đ, Phan Đình Tr, Kiều Xuân H, Đặng Văn C, Phan Văn B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Tại phiên tòa, lời khai, lời trình bày ý kiến của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án như: biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản hỏi cung bị can; biên bản thu giữ, niêm phong, mở niêm phong vật chứng của vụ án để lấy mẫu giám định; kết luận giám định.....

Lời nói sau cùng của các bị cáo Nguyễn Văn Ch, Lương Sinh S, Nguyễn Văn Q, Phạm Ngọc Đ, Phan Đình Tr, Phan Văn B, Kiều Xuân H, Đặng Văn C: Nhất trí với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đề nghị truy tố, xét xử bị cáo về tội Đánh bạc. Nay các bị cáo đã thực sự nhận ra lỗi lầm, các bị cáo rất ân hận, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, các bị cáo xin miễn hình phạt bổ sung; các bị cáo xin hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để có cơ hội về với cộng đồng, cải tạo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Xét hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn Ch, Lương Sinh S, Nguyễn Văn Q, Phạm Ngọc Đ, Phan Đình Tr, Phan Văn B, Kiều Xuân H, Đặng Văn C là vi phạm pháp luật bởi: các bị cáo đã đánh bạc bằng hình thức chơi sâm; sát phạt được thua bằng tiền mặt, với mục đích tư lợi cá nhân, bị pháp luật nghiêm cấm. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là **15.312.000** đồng (mười lăm triệu ba trăm mười hai nghìn đồng), chia thành hai nhóm. Nhóm thứ nhất sử dụng số tiền 5.277.000 đồng vào việc đánh bạc, trong đó: bị cáo Phan Đình Tr có 940.000 đồng, bị cáo Phan Văn B có 2.007.000 đồng, bị cáo Đặng Văn C có 1.330.000 đồng, bị cáo Kiều Xuân Hạ có 1.000.000 đồng. Nhóm thứ hai sử dụng số tiền 10.035.000 đồng vào việc đánh bạc, trong đó: Lương Sinh S có 1.935.000 đồng (một triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng); bị cáo Nguyễn Văn Q có 4.900.000 đồng; bị cáo Nguyễn Văn Ch có 1.200.000 đồng; bị cáo Phạm Ngọc Đ có 2.000.000 đồng. Như vậy hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội đánh bạc, tôi danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự như quan điểm truy tố của Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 321 BLHS quy định:

"*1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đ hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*".

"*3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*".

[2] Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội bởi nó đã xâm phạm đến trật tự công cộng mà trực tiếp là xâm phạm đến nếp sống văn minh của xã hội. Cần vận dụng khoản 1 điều 321 BLHS để có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Văn Ch, Lương Sinh S, Nguyễn Văn Q, Phạm Ngọc Đ, Phan Đình Tr, Phan Văn B, Kiều Xuân H, Đặng Văn C

[3] Xét vị trí vai trò của các đồng phạm thấy: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn bởi các bị cáo đều là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên bị cáo Phan Văn B và Nguyễn Văn Ch là người chủ mưu, chủ động rủ rê, lối kéo các bị cáo khác tham gia đánh bạc nên cần có mức hình phạt nghiêm khắc hơn các bị cáo khác. Do đó cần áp dụng Điều 58 BLHS đối với các bị cáo Lương Sinh S, Nguyễn Văn Q, Phạm Ngọc Đ, Phan Đình Tr, Kiều Xuân H, Đặng Văn C

[4] Xét nhân thân, các bị cáo Phan Văn B, Kiều Xuân H, Đăng Văn C, Phạm Ngọc Đ, Nguyễn Văn Q là người chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo Nguyễn Văn Ch có 01 tiền án về tội Đánh bạc đã xóa án tích; các bị cáo Phan Đình Tr và Lương Sinh S có 01 tiền án về tội Đánh bạc, chưa xóa án tích. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và biết rõ việc đánh bạc là hành vi bị Nhà nước nghiêm cấm, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội đặc biệt là nếp sống văn minh, là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy cần lên một mức án từ 06 tháng đến 03 năm tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo mới đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật trong việc đấu tranh phòng chống tội phạm.

[5] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Riêng cáo bị cáo Phan Văn B, Kiều Xuân H, Đăng Văn C, Phạm Ngọc Đ, Nguyễn Văn Q phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo.

Bị cáo Phan Đình Tr được Trung đoàn 82 tặng bằng khen đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2006; là lao động chính duy nhất bởi vợ bị cáo đang mang thai hộ em gái, một mình bị cáo đang phải nuôi 02 con nhỏ (con lớn 04 tuổi, con nhỏ 02 tuổi), có ông bà nội được tặng thưởng huân huy chương kháng Ch chống Mỹ nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Trọng.

Bị cáo Nguyễn Văn Ch có bố đẻ được nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng 3 về thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quốc tế; bị cáo Lương Sinh S đang phải nuôi bố đẻ Lương Văn M là người khuyết tât nặng (người cao tuổi) nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS đối với các bị cáo Ch, bị cáo Sắc.

Bị cáo Lương Sinh S, Phan Đình Tr, Nguyễn Văn Q, Phạm Ngọc Đ, Phan Đình Tr, Phan Văn B, Kiều Xuân H đã tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra trong việc phát hiện bị cáo Ch vay bị cáo C 500.000 đồng để giúp đỡ cơ quan điều tra khởi tố các bị cáo Phan Đình Tr, Phan Văn B, Đặng Văn C, Kiều Văn Hạ nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 BLHS với bị cáo Sắc, bị cáo Trọng.

[6] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phan Đình Tr, Lương Sinh S có 01 tiền án về tội Đánh bạc chưa xóa án tích nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS 2005 đối với các bị cáo.

[7] Xét yêu cầu hưởng án treo của các bị cáo Phan Văn B, Kiều Xuân H, Đăng Văn C, Phạm Ngọc Đ, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn Ch thấy: mức hình phạt đối với hành vi phạm tội của các bị cáo dưới 03 năm; các bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân ở nơi cư trú, nơi làm việc (riêng bị cáo Nguyễn Văn Ch đã có 01 tiền án nhưng đã được xóa án tích, lần phạm tội này thuộc trường hợp ít nghiêm trọng); các bị cáo đều có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên; có nơi cư trú rõ ràng, ổn định để cơ quan có thẩm quyền giám sát, giáo dục; xét thấy không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù giam bởi các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó không cần cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội, cho bị cáo cơ hội cải tạo ngoài cộng đồng cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm nói chung, đồng thời cũng thể hiện chính sách pháp luật nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước, thể hiện đường lối xét xử nghiêm trị kết hợp giáo dục cải tạo.

Đối với hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS, xét thấy các bị cáo không có khả năng thi hành nên Hội đồng xét xử miễn phạt tiền cho các bị cáo.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện TC, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về vật chứng: Đối với hai bộ bài tú lơ khơ, mỗi bộ gồm 52 quân bài; Một chiếc chiếu nhựa, loại chiếu đơn, màu xanh - đen; kích thước 1,9 m x 1,5 m, đã qua sử dụng cũ; Một chiếc chiếu nhựa, loại chiếu đôi, màu vàng - xanh - đen; kích thước 2,2 m x 1,8 m, đã qua sử dụng cũ; là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào việc phạm tội và hết giá trị sử dụng nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy; đối với tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 15.312.000 đồng (mười lăm triệu ba trăm mười hai nghìn đồng), là tiền các bị cáo dùng vào việc phạm tội cần Sung công quỹ nhà nươc theo Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

[10] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11] Căn cứ Điều 331, 333 BLTTHS năm 2015 cho các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ điểm s,t khoản 1,2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 54 khoản 1 Điều 321; Điều 38; Điều 58 BLHS 2015

- Tuyên bố bị cáo Lương Sinh S phạm tội Đánh bạc;

- Xử phạt bị cáo Lương Sinh S 03 (ba) tháng tù được khấu trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam là 06 (sáu) ngày tù, bị cáo còn phải chấp hành 02 (hai) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại để chấp hành án.

Căn cứ điểm s,v,t khoản 1,2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 54; khoản 1 Điều 321; Điều 38; Điều 58 BLHS 2015

- Tuyên bố bị cáo Phan Đình Tr phạm tội Đánh bạc;

- Xử phạt bị cáo Phan Đình Tr 03 (ba) tháng tù được khấu trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam là 06 (sáu) ngày tù, bị cáo còn phải chấp hành 02 (hai) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại để chấp hành án.

Căn cứ điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 321; khoản 1,2,5 Điều 65 BLHS 2015

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Ch phạm tội Đánh bạc;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ch 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng. Thời hạn thử thách tình từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25-7-2018).

Căn cứ điểm i, s,t khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 321; khoản 1,2,5 Điều 65; BLHS 2015:

- Tuyên bố bị cáo Phan Văn B phạm tội Đánh bạc;

- Xử phạt bị cáo Phan Văn B 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng. Thời hạn thử thách tình từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25-7-2018).

Căn cứ điểm i, s,t khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 321; khoản 1,2,5 Điều 65; Điều 58 BLHS 2015:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Q, Phạm Ngọc Đ; Kiều Xuân H, phạm tội Đánh bạc.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng. Thời hạn thử thách tình từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25-7-2018);

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc Đ 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng. Thời hạn thử thách tình từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25-7-2018);

Xử phạt bị cáo Kiều Xuân H 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng. Thời hạn thử thách tình từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25-7-2018);

Căn cứ điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 321; khoản 1,2,5 Điều 65; Điều 58 BLHS 2015:

- Tuyên bố bị cáo Đặng Văn C phạm tội Đánh bạc.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn C 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng. Thời hạn thử thách tình từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25-7-2018);

Giao các bị cáo Nguyễn Văn Ch, Nguyễn Văn Q, Phạm Ngọc Đ, Kiều Xuân H, Đặng Văn C; Phan Văn B cho UBND xã PL, huyện TC, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã PL, huyện TC trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền được quy định tại khoản 3 Điều 321 BLHS cho các bị cáo.

2.Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 tuyên:

Tịch thu tiêu hủy: Hai bộ bài tú lơ khơ, mỗi bộ gồm 52 quân bài; Một chiếc chiếu nhựa, loại chiếu đơn, màu xanh - đen; kích thước 1,9 m x 1,5 m, đã qua sử dụng cũ; Một chiếc chiếu nhựa, loại chiếu đôi, màu vàng - xanh - đen; kích thước 2,2 m x 1,8 m, đã qua sử dụng cũ.

Sung công quỹ nhà nước: Tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 15.312.000 đồng (mười lăm triệu ba trăm mười hai nghìn đồng)

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Ch, Lương Sinh S, Nguyễn Văn Q, Phạm Ngọc Đ, Phan Đình Tr, Kiều Xuân H, Đặng Văn C, Phan Văn B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, mỗi bị cáo 200.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 331, 333 BLTTHS năm 2015: Báo cho các bị cáo Nguyễn Văn Ch, Lương Sinh S, Nguyễn Văn Q, Phạm Ngọc Đ, Phan Đình Tr, Kiều Xuân H, Đặng Văn C, Phan Văn B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND (02 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La ;
- CA huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã PL; huyện TC;
- Các bị cáo;
- Lưu án văn;
- Lưu:Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lê Thị Chiến